

## Thì hiện tại tiếp diễn

Thì hiện tại tiếp diễn (Present Continuous) là thì dùng để diễn tả một hành động xảy ra ở thời điểm hiện tại, đang diễn ra và kéo dài dài một thời gian ở hiện tại.

### Hiện tại tiếp diễn

Diễn tả một hành động đang diễn ra tại thời điểm nói.



### 1. Công thức

Dạng câu	Công thức - ví dụ
Khẳng định (+)	<b>S + am/is/are + V-ing</b> Ví dụ: I am writing an essay.
Phủ định (-)	<b>S + am/is/are not + V-ing</b> Ví dụ: She is not studying now.
Nghi vấn (?)	<b>Am/is/are + S + V-ing</b> Ví dụ: Are they sleeping?

Thì hiện tại tiếp diễn không chia động từ to be.

### 2. Cách dùng

- Diễn tả một hành động đang diễn ra tại thời điểm nói (Ví dụ: He is going home.).
- Diễn tả hành động đang diễn ra, có thể không phải ở thời điểm nói (Ví dụ: I am reading the book "The thorn bird".).

- Diễn tả hành động được lên lịch, sắp xảy ra trong tương lai gần (Ví dụ: He is going to school tomorrow.).

- Diễn tả sự việc lặp đi lặp lại gây khó chịu. Câu này mang tính than phiền, phàn nàn, có động từ chỉ tần suất kèm theo (Ví dụ: He is always coming late.).

- Mô tả cái gì đó đổi mới, phát triển hơn (Ví dụ: The children are growing quickly.).

**\*Lưu ý:** Các bạn không dùng thì hiện tại tiếp diễn với các từ thể hiện nhận thức, cảm xúc như: Be, see, hear, feel, realize, seem, remember, forget, understand, know, like, want, glance, smell, love, hate,...

### **3. Dấu hiệu nhận biết**

- Đi cùng với các trạng từ chỉ thời gian như: Now, at the moment, it's + giờ cụ thể + now.

- Có các động từ: Look, watch, listening, keep silent,...